

CÔNG TY CỔ PHẦN KCN CAO SU BÌNH LONG



**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN
NĂM 2014**



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên Công ty đại chúng: Công ty cổ phần KCN cao su Bình Long

Năm 2014

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần khu công nghiệp cao su Bình Long
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3800378251
- Vốn điều lệ: 120.000.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 289.000.000.000 đồng
- Địa chỉ: Xã Minh Hưng, Huyện Chợ Thành, Tỉnh Bình Phước.
- Số điện thoại: 0651.3645206
- Số fax: 0651.3645204
- Website: www.blip.vn
- Mã cổ phiếu (nếu có):

2. Quá trình hình thành và phát triển

Quá trình hình thành và phát triển: Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Cao su Bình Long được thành lập ngày 09/10/2007 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 44.03.000090 do Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Phước cấp với thời hạn hoạt động là 50 năm. Đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 04 tháng 01 năm 2013, mã số doanh nghiệp: 3800378251. Công ty là nhà đầu tư xây dựng có năng lực, kinh nghiệm và tài chính trong lĩnh vực đầu tư phát triển khu công nghiệp. Hiện Công ty đang là chủ đầu tư KCN Minh Hưng III với diện tích 291,43 ha được xây dựng với tiêu chí là khu công nghiệp tiêu chuẩn, trọng điểm của tỉnh Bình Phước với cơ sở hạ tầng được đầu tư hoàn toàn mới.

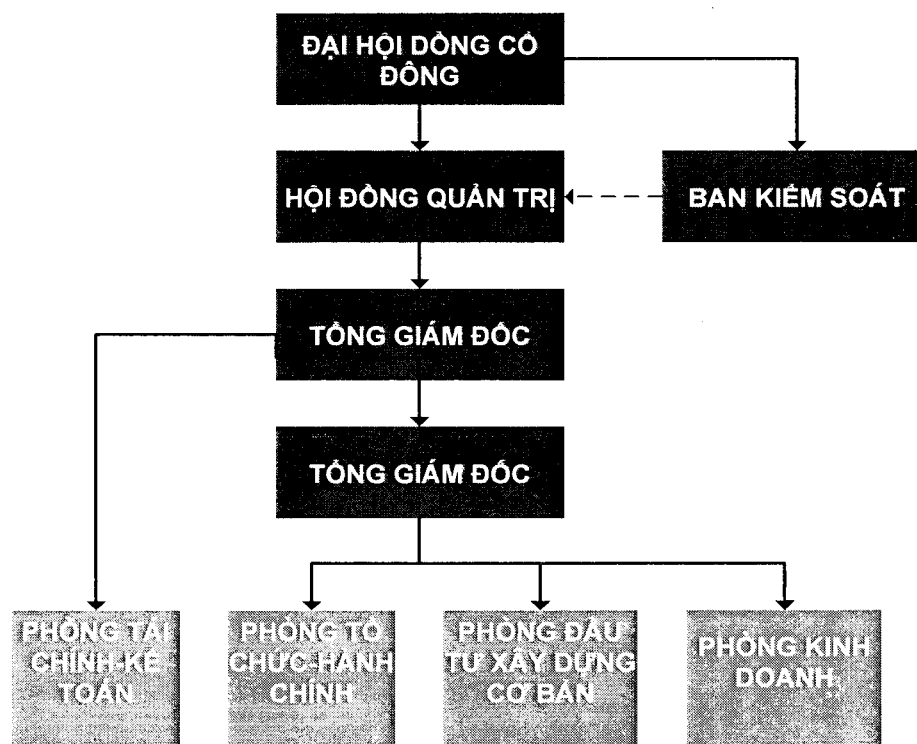
- Các sự kiện khác.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh:
 - + Đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp. Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư. Kinh doanh nhà ở, cho thuê văn phòng, nhà kho, bến bãi.

- + Thi công xây dựng dân dụng và công nghiệp.
- + Thi công xây dựng thủy lợi.
- + Thi công xây dựng các công trình giao thông, cầu đường.
- + San lấp mặt bằng.
- + Trồng, khai thác, kinh doanh nguyên liệu, sản phẩm cao su (trừ chế biến mủ cao su).
- + Hoạt động thu gom và xử lý rác thải, chất thải.
- + Kinh doanh dịch vụ cảng, bến bãi
- + Vận chuyển hàng hóa đường bộ, đường thủy.
- + Dịch vụ xuất nhập khẩu, ủy thác.
- + Đầu tư tài chính.
- + Kinh doanh dịch vụ nhà hàng
- + Kinh doanh dịch vụ khách sạn
- + Hoạt động dạy nghề
- + Trồng, khai thác, chế biến gỗ rừng thông.
- Địa bàn kinh doanh: Xã Minh Hưng, Huyện Chợ Thành, Tỉnh Bình Phước.
- *Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý*
- Mô hình quản trị.
- Cơ cấu bộ máy quản lý.

Sơ đồ cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý Công ty



– Các công ty con, công ty liên kết: Không.

4. *Định hướng phát triển*

– Các mục tiêu chủ yếu của Công ty.

Cơ sở hạ tầng theo mô hình KCN hiện đại: Theo định hướng của Công ty và thiết kế, Khu công nghiệp Minh Long 3 sẽ từng bước được xây dựng cơ sở hạ tầng hoàn chỉnh theo một mô hình KCN hiện đại, một khu công nghiệp trọng điểm, kiểu mẫu của tỉnh Bình Phước với tổng diện tích lên đến 291,43ha.

Bên cạnh hoạt động chính, Công ty còn đang từng bước hoàn thiện các dịch vụ tiện ích đi kèm phục vụ cho các doanh nghiệp khách hàng trong KCN. Các dịch vụ tiện ích bao gồm: cung cấp đồng hồ nước, cung cấp nước sạch, dịch vụ duy tu bảo dưỡng, dịch vụ xử lý nước thải, y tế... Mặc dù doanh thu từ các hoạt động dịch vụ tiện ích không đáng kể nhưng Công ty cũng định hướng chú trọng phát triển các dịch vụ một cách chuyên nghiệp nhất nhằm làm cho khách hàng trong có được các lợi ích giá trị gia tăng cao mà một Khu công nghiệp hiện đại, văn minh, an toàn có thể mang lại.

– Chiến lược phát triển trung và dài hạn.

KCN Minh Hưng 3 là một trong những KCN có diện tích đầu tư lớn so với các KCN trong toàn tỉnh chỉ sau KCN Sài Gòn-Bình Phước, Tân Khai và Becamex. Bên cạnh đó, KCN nằm ngay mặt tiền đường Quốc lộ 13, với giao thông khá thuận tiện là điều kiện thuận

lợi để thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào KCN Minh Hưng 3. Không chỉ có quy mô lớn, vị trí thuận lợi, Minh Hưng 3 còn là Khu công nghiệp mới với cơ sở hạ tầng hiện đại được thiết kế và đầu tư xây dựng nhằm đáp ứng tốt nhất nhu cầu của các doanh nghiệp với đầy đủ hệ thống đường, điện, nước, xử lý chất thải,... Ngoài ra bên cạnh phát triển KCN, Công ty còn hướng tới đầu tư phát triển khu dân cư nhằm đáp ứng nhu cầu nhà ở, các nhu cầu sinh hoạt v.v... cho cán bộ, công nhân viên làm việc tại KCN góp phần ổn định nguồn lao động cho các doanh nghiệp hoạt động trong KCN.

- Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty.

Công ty thực hiện nghiêm túc pháp luật về môi trường, hiện đã có nhà máy xử lý nước thải. Tham gia ủng hộ các tổ chức xã hội ở địa phương, thực hiện tốt công tác phúc lợi xã hội.

5. *Các rủi ro:* Công ty kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp nên ít có rủi ro, chủ yếu là do tình hình kinh tế suy thoái nên công tác cho thuê đất gặp nhiều khó khăn.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Đơn vị tính: đồng

| STT | Nội dung | Thực hiện 2013 | Thực hiện 2014 | Tỷ lệ % |
|-----|-----------------------------|-----------------------|-----------------------|---------------|
| 1 | Thu từ hoạt động kinh doanh | 9.273.688.455 | 14.670.151.843 | 158,19 |
| 2 | Thu từ hoạt động tài chính | 10.927.174.836 | 19.021.153.027 | 174,07 |
| 3 | Thu khác | 8.906.803 | 264.487.346 | 2969,50 |
| | Tổng thu | 20.209.770.094 | 33.955.792.216 | 168,02 |
| 1 | Chi hoạt động kinh doanh | 13.638.643.042 | 15.457.965.213 | 113,34 |
| 2 | Chi hoạt động tài chính | 0 | 8.053.331 | |
| 3 | Chi khác | 0 | 160.230.978 | |
| | Tổng chi | 13.638.643.042 | 15.626.249.522 | 114,57 |
| 1 | Lợi nhuận trước thuế | 6.571.127.052 | 18.329.542.694 | 278,94 |
| 2 | Lợi nhuận sau thuế | 4.896.305.289 | 14.255.083.691 | 291,14 |
| 3 | Thuế TNDN phải nộp | 1.674.821.763 | 4.074.459.003 | 243,28 |
| 4 | Tỷ suất lợi nhuận/vốn | 4,08 | 11,88 | 291,18 |

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm: Trong năm hầu hết các chỉ tiêu chính đều đạt được so với năm trước. Doanh thu cho thuê đất so với thực hiện năm 2013 thì tăng khá. Doanh thu từ hoạt động tài chính tăng mạnh so với năm 2013. Bên cạnh đó chi phí cho hoạt động sản xuất kinh doanh tăng do trong năm có nhiều công trình XD CB đã hoàn thành đưa vào sử dụng.

Đơn vị tính: đồng

| STT | Nội dung | Kế hoạch 2014 | Thực hiện năm 2014 | Tỷ lệ % |
|-----|-----------------------------|----------------|--------------------|---------|
| 1 | Thu từ hoạt động kinh doanh | 14.145.000.000 | 14.670.151.843 | 103,71 |
| 2 | Thu từ hoạt động tài chính | 19.800.000.000 | 19.021.153.027 | 96,07 |
| 3 | Thu khác | 14.000.000 | 264.487.346 | 1889,20 |
| | Tổng thu | 33.959.000.000 | 33.955.792.216 | 99,99 |
| 1 | Chi hoạt động kinh doanh | 15.974.000.000 | 15.457.965.213 | 96,77 |
| 2 | Chi hoạt động tài chính | 0 | 8.053.331 | |
| 3 | Chi khác | 5.000.000 | 160.230.978 | 3204,62 |
| | Tổng chi | 15.979.000.000 | 15.626.249.522 | 97,79 |
| 1 | Lợi nhuận trước thuế | 17.980.000.000 | 18.329.542.694 | 101,94 |
| 2 | Lợi nhuận sau thuế | 14.024.000.000 | 14.255.083.691 | 101,65 |
| 3 | Thuế TNDN phải nộp | 3.956.000.000 | 4.074.459.003 | 102,99 |
| 4 | Tỷ suất lợi nhuận/vốn | 11,69 | 11,88 | 101,62 |

2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch: So với kế hoạch đề ra trong năm công ty đã đạt hầu hết các chỉ tiêu kế hoạch. Về doanh thu tài chính tăng mạnh đạt và vượt kế hoạch do do Công ty cho thuê được đất.

3. Tổ chức và nhân sự

- *Danh sách ban điều hành:*

| S T T | Họ và tên | Năm sinh | Giới tính | Nguyên quán Nơi ở hiện nay | Năm tham gia cách mạng | Trình độ chuyên môn Trình độ chính trị | Chức vụ | Tỷ lệ Số cổ phiếu |
|-------------|-----------|----------|-----------|-------------------------------|------------------------|---|---------|----------------------|
|-------------|-----------|----------|-----------|-------------------------------|------------------------|---|---------|----------------------|

| | | | | | | | | |
|---|-------------------|------------|-----|---|------|-----------------------------------|----------------|-------|
| 1 | Phan Đình Phúc | 10/10/1965 | Nam | Bình Định, P.An Lộc -TX.Bình Long - B.Phước | 1987 | Đại học Kinh tế Cao cấp chính trị | TGD Công ty | 1,07 |
| 2 | Nguyễn Hữu Tú | 05/01/1971 | Nam | Phú Thọ, P.Hung chiến - TX.Bình Long | 1995 | Đại học QTKD Cao cấp chính trị | P. TGD Công ty | 0,123 |
| 3 | Lê Văn Trung | 30/1/1966 | Nam | Quảng Nam, P.Phú Đức - TX.Bình Long | 1990 | Đại học Kinh tế Cao cấp chính trị | Kế toán trưởng | 0 |
| 4 | Huỳnh Thanh Hương | 08/04/1959 | Nam | Bình Dương, P.Phú Đức - TX.Bình Long | 1976 | Đại học Luật | TP. TC-HC | 0 |
| 5 | Trần Hương Nhứt | 06/06/1981 | Nam | Vĩnh Long, P.Hung chiến - TX.Bình Long | 2008 | Đại học Kinh Tế | TP.Kinh doanh | 0 |
| 6 | Huỳnh Văn Thi | 23/04/1983 | Nam | Bình Định, Xã Minh Hưng - C.Thành - B.Phước | 2008 | Đại học Xây dựng cầu đường | TP.XD CB | 0,06 |

- Những thay đổi trong ban điều hành: Ban điều hành trong năm không có sự thay đổi.

- Số lượng cán bộ, nhân viên: Tổng số công nhân viên đến 31/12/ 2014 là 55 người, trong đó cán bộ quản lý là 9 người.

- Giờ làm việc của Công ty là 8 giờ/ngày, ngày làm việc trong tuần là 5 ngày, nghỉ ngày thứ bảy và chủ nhật. Riêng bảo vệ chia làm 2 ca mỗi ca 12 giờ. Mỗi năm, người lao động được cung cấp 2 bộ trang biết bị bảo hộ lao động. Người lao động được nghỉ hưởng đủ lương 12 ngày phép/năm. Nếu người lao động có dưới 12 tháng làm việc thì thời gian nghỉ phép được tính tương ứng với số tháng làm việc. Trong trường hợp người lao động có kết hôn, con kết hôn, ma chay (tử thân phụ mẫu, vợ, con) thì được nghỉ việc 03 ngày có hưởng lương. Tiền lương của người lao động do hai bên thỏa thuận trong Hợp đồng lao động và được trả theo năng suất lao động, chất lượng và hiệu quả công việc. Mức lương của người lao động không được thấp hơn mức lương tối thiểu do Nhà nước quy định. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động.

4. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

- Các khoản đầu tư lớn: Trong năm công ty không chào bán chứng khoán. Tổng vốn đầu tư xây dựng các công trình hoàn thành năm 2014 là 2.824 triệu đồng, trong đó vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ là: 838 triệu đồng, vốn chủ sở hữu là 1.986 triệu đồng. Tổng vốn

đầu tư xây dựng các công trình dở dang năm 2014 và chuyển sang năm 2015 là 36.163 triệu đồng (dự kiến các công trình này hết quý I năm 2015 hoàn thành), trong đó vốn khác là 36.163 triệu đồng.

a) Các công ty con, công ty liên kết: Không có công ty liên kết

5. *Tình hình tài chính*

a) *Tình hình tài chính*

| Chỉ tiêu | Năm 2013 | Năm 2014 | % tăng giảm |
|-----------------------------------|-----------------|-----------------|-------------|
| Tổng giá trị tài sản | 345.482.988.935 | 505.763.142.452 | 146,39 |
| Doanh thu thuần | 9.273.688.455 | 14.670.151.843 | 158,19 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | 10.927.174.836 | 19.021.153.027 | 174,07 |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 6.562.220.249 | 18.225.286.326 | 277,73 |
| Lợi nhuận khác | 8.906.803 | 104.256.368 | 1170,53 |
| Lợi nhuận trước thuế | 6.571.127.052 | 18.329.542.694 | 278,94 |
| Lợi nhuận sau thuế | 4.896.305.289 | 14.255.083.691 | 291,14 |
| Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức | 4,08 | 11,88 | 291,18 |

– Các chỉ tiêu khác: (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất).

b) *Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu*

| Các chỉ tiêu | Năm 2013 | Năm 2014 | Ghi chú |
|--|----------|----------|---------|
| <i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i> | | | |
| + Hệ số thanh toán ngắn hạn: | 41,97 | 16,08 | |
| TSLĐ/Nợ ngắn hạn | | | |
| + Hệ số thanh toán nhanh: | | 16,08 | |
| <u>TSLĐ - Hàng tồn kho</u> | | | |
| Nợ ngắn hạn | | | |
| <i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i> | | | |
| + Hệ số Nợ/Tổng tài sản | 46,46 | 59,60 | |
| + Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu | 86,8 | 14,75 | |
| <i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i> | | | |
| + Vòng quay hàng tồn kho: | | | |

| <u>Giá vốn hàng bán</u> | | | |
|---|-------|-------|--|
| Hàng tồn kho bình quân | | | |
| + Doanh thu thuần/Tổng tài sản | 0,07 | 0,12 | |
| <i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i> | | | |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần | 0,53 | 0,97 | |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu | 0,039 | 0,118 | |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản | 0,014 | 0,028 | |
| + Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần | 0,71 | 1,24 | |

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần: Số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành: 12.000.000 cổ phiếu, tất cả cổ phiếu đều là cổ phiếu phổ thông. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ công ty và pháp luật có quy định khác.

b) Cơ cấu cổ đông:

Cơ cấu cổ đông phân theo các tiêu chí tỷ lệ sở hữu:

| | Số cổ phiếu | Tỷ lệ |
|--|-------------|--------|
| Công ty TNHH Một thành viên Cao su Bình Long | 4.784.394 | 39,87 |
| Công ty CP Khu công nghiệp Nam Tân Uyên | 4.398.990 | 36,66 |
| Vốn góp của thể nhân khác | 2.816.616 | 23,47 |
| Cộng | 12.000.000 | 100,00 |

Cơ cấu cổ đông phân theo các tiêu chí Cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài:
Cổ đông trong nước: 100% và cổ đông nước ngoài: 0%

Cơ cấu cổ đông phân theo các tiêu chí Cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân: Cổ đông tổ chức: 76,53% và cổ đông cá nhân: 23,47%.

Cơ cấu cổ đông phân theo các tiêu chí cổ đông nhà nước và các cổ đông khác: cổ đông nhà nước: 39,87 và các cổ đông khác: 60,13.

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Trong năm công ty không chào bán chứng.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ:

Công ty không có cổ phiếu quỹ

- e) Các chứng khoán khác:
Công ty không có chứng khoán khác.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc:

Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc bao gồm các nội dung sau:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Doanh thu từ hoạt động kinh doanh năm 2014 đạt so với kế hoạch đề ra. Doanh thu cho thuê đất so với thực hiện năm 2013 thì tăng khá. Doanh thu từ hoạt động tài chính tăng mạnh so với năm 2013 do trong năm công ty cho thuê đất và đã thu tiền.

Trong năm 2014, khu công nghiệp Minh Hưng III đã đón tiếp & cung cấp thông tin về khu công nghiệp cho 35 dự án đầu tư trong đó có 17 dự án của nhà đầu tư nước ngoài (Đài Loan, Hàn Quốc, Đan Mạch) & 18 dự án của nhà đầu tư trong nước ở các ngành nghề như giày da, dệt may, bao bì nhựa, giấy tái chế, viên nén gỗ.. Cùng với việc xúc tiến tìm kiếm các nhà đầu tư mới, KCN cũng luôn quan tâm theo dõi, thường xuyên liên lạc với các dự án đầu tư đã tiếp xúc với KCN trước đây nhưng chưa có quyết định địa điểm đầu tư.

Do nhiều lý do về khách quan như: tình hình tài chính của doanh nghiệp đang khó khăn chưa thể tiến hành đầu tư thời điểm này, vị trí KCN xa cộng thêm việc siết chặt tải trọng của xe khi lưu thông làm tăng giá thành sản phẩm của dự án, ngành nghề của dự án tỉnh không cho phép đầu tư, nguồn nguyên liệu tại địa phương không đáp ứng đủ cho dự án,.. đồng thời tình trạng cạnh tranh về giá cho thuê giữa các KCN trong tỉnh cũng đang diễn ra khá gay gắt, một số KCN sẵn sàng ký hợp đồng với mức giá cho thuê thấp, đã ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả thu hút đầu tư của KCN trong thời gian qua.

Tuy nhiên, với sự nỗ lực của tập thể CBCNV, cùng với sự chỉ đạo sát sao, kịp thời của HĐQT, Ban TGD, KCN cũng đã đạt được kết quả thu hút tương đối đáng kể. Lũy kế đến nay trong năm 2014, KCN đã ký kết hợp đồng với các dự án như sau:

| STT | TÊN CÔNG TY | DIỆN TÍCH THUÊ (m2) |
|-----|--|---------------------|
| 01 | Cty TNHH LongFa Việt Nam | 200.949 |
| 02 | Cty CP Cấp Thoát Nước KCN Minh Hưng III | 1.000 |
| 03 | Cty CP giấy Ưu Việt (VN) | 36.692 |
| 04 | Cty TNHH Tân Hỷ (Đài Loan) | 41.499 |
| 05 | Chi nhánh Cty CP Đầu Tư XD & TM Trường Thịnh | 15.000 |

| | | |
|----|---|----------------|
| 06 | Cty TNHH TMDV Tài Phát (thuê văn phòng) | 100 |
| 07 | Cty TNHH MTV Bến Thượng Hải | 10.000 |
| 08 | Cty TNHH MTV TMDV SX Sợi Đông Nam | 39.000 |
| 09 | Cty Cp Đầu Tư Thiết Kế Xây Dựng Sài Gòn Red | 10.000 |
| | TỔNG CỘNG | 354.240 |

Tổng diện tích đất đã cho thuê trong năm 2014 vừa qua là 354.240 m² tương đương 101,21% kế hoạch cho thuê (35ha) của năm 2014. Lũy kế đến cuối năm 2014 KCN đã cho thuê 948.371 m² tương đương 94,84ha; tỉ lệ lấp đầy của KCN tương đương 43,24%.

| Chỉ tiêu | Năm 2014 | Tỷ lệ % so với năm 2013 | Tỷ lệ % so với kế hoạch |
|-------------------------------------|----------------|-------------------------|-------------------------|
| Tổng doanh thu | 33.955.792.216 | 168,02 | 99,99 |
| Lợi nhuận trước thuế | 18.329.542.694 | 278,94 | 101,94 |
| Lợi nhuận sau thuế | 14.255.083.691 | 291,14 | 101,65 |
| Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/ doanh thu | 41,98 | | |

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Tổng tài sản tại ngày 01/01/2014 là: 345.482.988.935 đồng

Tổng tài sản tại ngày 31/12/2014 là: 505.763.142.452 đồng

b) Tình hình nợ phải trả

– Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ.

Tổng nợ phải trả đến ngày 01/01/2014 là: 160.535.708.288 đồng

Tổng nợ phải trả đến ngày 31/12/2014 là: 301.435.657.362 đồng

Các khoản nợ phải trả chủ yếu là doanh thu trả trước của tiền thuê đất phân bổ cho cả chu kỳ thuê đất.

Công ty không có các khoản nợ xấu, chênh lệch tỷ giá cũng có ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh bởi vì việc cho thuê đất có tính tiền tương đương với ngoại tệ mà chủ yếu là USD

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

Trong năm Công ty đã kiện toàn lại bộ máy theo hướng tinh gọn hiệu quả, nhưng lao động tăng là do tăng lao động trực tiếp gồm có nhân viên Bảo vệ và Cây xanh để bảo vệ tài sản, trật tự trị an, chăm sóc cây xanh dọc các tuyến đường đã xây dựng hoàn thành trong khu công nghiệp.

4. *Kế hoạch phát triển trong tương lai*

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không có giải trình vì không có ý kiến ngoại trừ của kiểm toán viên.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty*

HĐQT đánh giá cao nỗ lực của công ty trong công tác quản lý điều hành sản xuất kinh doanh và đầu tư XDCB.

2. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty*

HĐQT đánh giá cao nỗ lực của Ban điều hành trong công tác quản lý điều hành sản xuất kinh doanh và đầu tư XDCB. Đề nghị Ban điều hành tiếp tục phấn đấu thu hút nhà đầu tư vào khu công nghiệp và tăng cường công tác chăm sóc khách hàng.

3. *Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị*

Đề nghị Ban điều hành sớm xây dựng kế hoạch mở rộng khu công nghiệp để trình xin chủ trương mở rộng khi diện tích cho thuê đạt trên 50%.

V. Quản trị công ty (Tổ chức chào bán trái phiếu ra công chúng hoặc niêm yết trái phiếu không phải là công ty đại chúng không bắt buộc phải công bố các thông tin tại Mục này).

1. *Hội đồng quản trị*

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

| STT | Họ và tên | Chức vụ | Số cổ phiếu sở hữu | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu |
|-----|------------------|---------------|--------------------|-----------------------|
| 1 | Huỳnh Trung Trực | Chủ tịch HĐQT | 5.250 | 0,04 |
| 2 | Phan Đình Phúc | T.viên HĐQT | 128.460 | 1,07 |
| 3 | Lê Văn Vui | T.viên HĐQT | 13.000 | 0,108 |
| 4 | Nguyễn Minh Hùng | T.viên HĐQT | 0 | 0 |

| | | | | |
|---|----------------|-------------|--------|------|
| 5 | Huỳnh Tấn Siêu | T.viên HĐQT | 38.555 | 0,32 |
|---|----------------|-------------|--------|------|

(danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập, thành viên không điều hành và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên hội đồng quản trị do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác).

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: (Liệt kê các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và thành viên trong từng tiểu ban).

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

| Stt | Số Nghị quyết/ Quyết định | Ngày | Nội dung |
|-----|------------------------------|------------|---|
| 1 | 05/NQ -HĐQT | 10/01/2014 | Thông qua báo cáo kết quả kinh doanh năm 2013 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2014 |
| 2 | 46/NQ -HĐQT | 14/3/2014 | Chuẩn bị đại hội cổ đông thường niên năm 2014 |
| 3 | 64/NQ - HĐQT | 25/4/2014 | Đại hội đồng cổ đông thông qua báo cáo kết quả kinh doanh năm 2013, Báo cáo tài chính năm 2013 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2014 |
| 4 | 129/NQ - HĐQT | 17/07/2014 | Thông qua báo cáo kết quả kinh doanh sáu tháng đầu năm 2014 và phương hướng quý III/2014. |
| 5 | 199/NQ-HĐQT | 16/10/2014 | Thông qua báo cáo kết quả kinh doanh chín tháng đầu năm 2014, phương hướng quý IV/2014 và dự kiến kế hoạch năm 2015. |

đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành.

e) Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: (đánh giá hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của từng tiểu ban, nội dung và kết quả của các cuộc họp).

f) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm.

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

| STT | Họ và tên | Chức vụ | Số cổ phiếu sở hữu | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu |
|-----|---------------|------------|--------------------|-----------------------|
| 1 | Huỳnh Hữu Tín | Trưởng Ban | 7.000 | 0,058 |

| | | | | |
|---|-------------------|----------------|-------|------|
| 2 | Minh Quốc Sang | Thành viên BKS | | |
| 3 | Nguyễn Thành Công | Thành viên BKS | 1.200 | 0,01 |

(danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành).

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

Trong năm ban kiểm soát họp và kiểm tra 3 lần, kiểm tra các tình hình hoạt động của công ty.

(đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát, nội dung và kết quả của các cuộc họp).

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

| STT | Họ và tên | Chức vụ | Lương, thưởng | Thù lao |
|-----|-------------------|--------------------|--------------------|--------------------|
| 1 | Huỳnh Trung Trực | Chủ tịch HĐQT | | 24.000.000 |
| 2 | Phan Đình Phúc | TV HĐQT-T.Giám Đốc | | 24.000.000 |
| 3 | Lê Văn Vui | Thành viên HĐQT | | 18.000.000 |
| 4 | Huỳnh Tấn Siêu | Thành viên HĐQT | | 18.000.000 |
| 6 | Nguyễn Minh Hùng | Thành viên HĐQT | | 18.000.000 |
| 7 | Huỳnh Hữu Tín | Trưởng Ban | | 18.000.000 |
| 8 | Minh Quốc Sang | Thành viên BKS | | 12.000.000 |
| 9 | Nguyễn Thành Công | Thành viên BKS | | 12.000.000 |
| 10 | Trịnh Thế sơn | Thư ký HĐQT | | 14.400.000 |
| 11 | Nguyễn Hữu Tú | Phó Tổng Giám Đốc | 259.556.300 | |
| | Tổng cộng | | 259.556.300 | 158.400.000 |

(Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý. Giá trị các khoản thù lao, lợi ích và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể. Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích chưa thể/không thể lượng hoá bằng tiền cần được liệt kê và giải trình đầy đủ).

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

| Stt | Người thực hiện giao dịch | Quan hệ với cổ đông nội bộ | Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Lý do tăng, giảm (mua, bán chuyển đổi, thưởng...) |
|-----|---------------------------|----------------------------|---------------------------|----------------------------|---|
| | | | | | |

| | | | Số cổ phiếu | Tỷ lệ | Số cổ phiếu | Tỷ lệ | |
|----|---------------------------------|-------------------------|-------------|-------|-------------|-------|------------------------|
| 01 | C.Ty TNHH MTV cao su Bình Long | Người liên quan | 4.394.394 | 36,62 | 4.784.394 | 39,87 | Thay đổi cơ cấu đầu tư |
| 02 | C.Ty CP KCN Nam Tân Uyên | Người liên quan | 4.526.000 | 37,72 | 4.526.000 | 36,66 | Thay đổi cơ cấu đầu tư |
| 03 | Phan Đình Phúc Tổng Giám Đốc | | 148.460 | 1,23 | 128.460 | 1,07 | Thay đổi cơ cấu đầu tư |
| 04 | Huỳnh Tấn Siêu | | 34.065 | 0,28 | 38.555 | 0,32 | Thay đổi cơ cấu đầu tư |
| 04 | Nguyễn Đức Cường | Người công bố thông tin | 0 | 0 | 3.230 | 0,03 | Thay đổi cơ cấu đầu tư |

(Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên).

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

(Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên).

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

(Nêu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định của pháp luật về quản trị công ty. Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty).

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

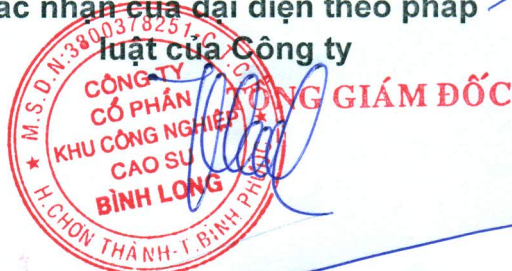
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán: Đính kèm Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM (AVA) ngày 26

tháng 3 năm 2015

Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán và kiểm toán. Trường hợp theo quy định của pháp luật về kế toán và kiểm toán, công ty phải lập Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp thì Báo cáo tài chính trình bày trong Báo cáo thường niên là Báo cáo tài chính hợp nhất đồng thời nêu địa chỉ công bố, cung cấp báo cáo tài chính của công ty mẹ hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp).

Chùa Thành, ngày 02 tháng 7 năm 2015

Xác nhận của đại diện theo pháp luật của Công ty



Phan Đình Phúc



**CÔNG TY CỔ PHẦN KHU
CÔNG NGHIỆP CAO SU
BÌNH LONG**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**CÔNG BỐ THÔNG TIN
ĐỊNH KỲ**

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Công ty: Công ty cổ phần khu công nghiệp cao su Bình Long

Trụ sở chính: Xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước

Điện thoại: 06513.645206

Fax: 06513.645204

Công ty cổ phần khu công nghiệp cao su Bình Long đã hoàn thành Báo cáo thường niên năm 2014.

Nay công ty xin thông báo đến UBCK Nhà nước theo quy định.

Loại thông tin công bố: Công bố thông tin định kỳ

Nội dung thông tin công bố: Báo cáo thường niên năm 2014.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Ngày 01 tháng 4 năm 2015

Người đại diện theo pháp luật



Phạm Đình Phước

CÔNG TY CỔ PHẦN KHU
CÔNG NGHIỆP CAO SU
BÌNH LONG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Công ty: Công ty cổ phần khu công nghiệp cao su Bình Long

Trụ sở chính: Xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước

Điện thoại: 06513.645206

Fax: 06513.645204

Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Đức Cường Nhân viên phòng Kinh
doanh

Địa chỉ: Công ty cổ phần khu công nghiệp cao su Bình Long

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 06513.645205

Fax: 06513.645204

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ
(công ty đánh dấu X vào mục cần công bố)

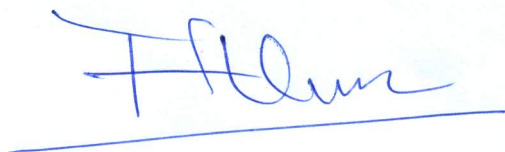
Nội dung thông tin công bố Báo cáo thường niên năm 2014.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn
chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Ngày 01 tháng 04 năm 2015

Người thực hiện công bố thông tin

(Ký, ghi rõ họ tên)



Nguyễn Đức Cường